**Biểu mẫu 18**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH

**KHOA KINH TẾ - DU LỊCH**

**BỘ MÔN QTKD - DL**

**THÔNG BÁO**

**Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế của cơ sở giáo dục đại học   
năm học 2020 -2021**

**C. Công khai các môn học của từng khóa học, chuyên ngành**

**1. ĐH Quản trị kinh doanh K59**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên môn học** | **Mục đích môn học** | **Số tín chỉ** | **Lịch trình giảng dạy** | **Phương pháp đánh giá sinh viên** |
| 1 | Pháp luật đại cương | Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật nói chung; nhà nước và pháp luật Việt Nam nói riêng, về quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, thực hiện pháp luật cũng như vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý. | 3 | Kỳ 1 | Kiểm tra thường xuyên  thi viết cuối kỳ |
| 2 | Kinh tế học đại cương | Học phần giới thiệu các khái niệm, nguyên lý và vấn đề cơ bản nhất của kinh tế học; các học thuyết kinh tế; các ý tưởng lớn làm nền tảng cho việc nghiên cứu kinh tế học và cách tiếp cận vấn đề của các nhà kinh tế | 3 | Kỳ 1 | Kiểm tra thường xuyên  Thi viết cuối kỳ |
| 3 | Kinh tế vi mô | Học phần cung cấp những kiến thức kinh tế cơ sở về hành vi của các cá nhân, doanh nghiệp và chính phủ trong một nền kinh tế thị trường. | 3 | Kỳ 1 | Kiểm tra thường xuyên  Thi viết cuối kỳ |
| 4 | Kinh tế vĩ mô | Học phần này cung cấp những kiến thức tổng quát về kinh tế vĩ mô và các nguyên lí cơ bản về họat động của toàn bộ nền kinh tế. Phân tích và giải thích các chỉ tiêu của nền kinh tế như: tổng sản phẩm quốc gia, tỉ lệ thất nghiệp, tỉ lệ lạm phát ... | 3 | Kỳ 2 | Kiểm tra thường xuyên  Thi viết cuối kỳ |
| 5 | Kinh tế phát triển | Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những vấn đề lý luận chung về tăng trưởng và phát triển kinh tế của các nước đang phát triển; đặc điểm, nội dung biểu hiện sự tiến bộ của các mô hình tăng trưởng và phát triển kinh tế. | 3 | Kỳ 2 | Kiểm tra thường xuyên  Thi viết cuối kỳ |
| 6 | Quản trị học | Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị học giúp sinh viên tiếp cân với lịch sử phát triển của các tư tưởng quản trị. | 3 | Kỳ 2 | Kiểm tra thường xuyên  Thi viết cuối kỳ |
| 7 | Nguyên lý kế toán | Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về kế toán như đối tượng, nguyên tắc kế toán, các phương pháp kế toán và các nội dung liên quan đến Kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu trong doanh nghiệp. | 3 | Kỳ 2 | Kiểm tra thường xuyên  Thi viết cuối kỳ |
| 8 | Tin học ứng dụng | Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp nhập số liệu, xử lý, mô tả số liệu và tính toán các số liệu trên máy tính nhằm phân tích vấn đề để đề xuất kế hoạch, chiến lược, quyết định kinh doanh cho doanh nghiệp. | 3 | Kỳ 3 | Kiểm tra thường xuyên  Thi thực hành |
| 9 | Thuế | Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về bản chất, nội dung của từng luật thuế và bổ trợ kiến thức cho việc nghiên cứu kinh tế ngành.. | 2 | Kỳ 4 | Kiểm tra thường xuyên  Thi viết cuối kỳ |
| 10 | Quản trị sản xuất | Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị sản xuất trong doanh nghiệp. Học phần này giúp cho sinh viên hoạch định, tổ chức, thực hiện và kiểm soát trong sản xuất. | 4 | Kỳ 4 | Kiểm tra thường xuyên  Thi viết cuối kỳ |
| 11 | Thương mại điện tử | Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về máy tính, internet, mạng viễn thông, và kiến thức chung về kinh doanh theo thương mại điện tử. Ứng dụng thương mại điện tử để chia sẽ thông tin một cách hiệu quả, Tiếp cận được với thành tựu mới của khu vực và thế giới trong lĩnh vực thương mại điện tử | 3 | Kỳ 4 | Kiểm tra thường xuyên  Thi thực hành |
| 12 | Kinh tế lượng | Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản trong việc quản trị doanh nghiệp như: Quản trị nhân lực, quản trị marketing, quản trị sản xuất, hàng tồn kho. | 3 | Kỳ 4 | Kiểm tra thường xuyên  Thi viết cuối kỳ |
| 13 | Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư | Học phần nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức về các kỹ thuật thiết lập, thẩm định và đánh giá một dự án đầu tư | 3 | Kỳ 4 | Kiểm tra thường xuyên  Thi viết cuối kỳ |
| 14 | Kinh tế quốc tế | Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Khái niệm, đối tượng và phương pháp nghiên cứu của kinh tế quốc tế; chính sách chuyển dịch nguồn lực kinh tế quốc tế. | 3 | Kỳ 3 | Kiểm tra thường xuyên  Thi viết cuối kỳ |
| 15 | Tài chính – Tín dụng | Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về mối quan hệ kinh tế giữa các thực thể tài chính phát sinh trong quá trình hình thành, phân phối và sử dụng các nguồn lực tài chính. | 3 | Kỳ 3 | Kiểm tra thường xuyên  Thi viết cuối kỳ |
| 16 | Thống kê kinh doanh | Học phần trang bị những kiến thức cơ bản về nguyên lý thống kê, các phương pháp thống kê nghiệp vụ kinh doanh và những kỹ năng vận dụng vào thực tiễn ở các doanh nghiệp | 3 | Kỳ 3 | Kiểm tra thường xuyên  Thi viết cuối kỳ |
| 17 | Luật kinh doanh | Học phần trang bị cho sinh viên các lý luận cơ bản về luật kinh doanh, pháp luật chủ thể kinh doanh, pháp luật về hợp đồng trong thương mại và giải quyết tranh chấp trong kinh doanh | 3 | Kỳ 3 | Kiểm tra thường xuyên  Thi viết cuối kỳ |
| 18 | Quản trị nhân lực | Học phần giúp người học hiểu biết những vấn đề chung trong quản trị nhân lực như vai trò, nguyên tắc, chức năng và chiến lược quản trị nhân lực; đồng thời hiểu rõ những nội dung cụ thể trong công tác quản trị nguồn nhân lực | 4 | Kỳ 6 | Kiểm tra thường xuyên  Thi viết cuối kỳ |
| 19 | Quản trị chất lượng | Học phần cung cấp cho người học những nội dung cơ bản về quản lý chất lượng như các lý thuyết quản lý chất lượng; Vai trò của quản lý chất lượng trong các tổ chức | 3 | Kỳ 5 | Kiểm tra thường xuyên  Thi viết cuối kỳ |
|  | Quản trị bán hàng | Cung cấp các kiến thức về môi trường kinh doanh trong nền kinh tế thị trường; mối liên hệ giữa chiến lược kinh doanh, chiến lược marketing với quản trị bán hàng. | 3 | Kỳ 5 | Kiểm tra thường xuyên  Thi viết cuối kỳ |
| 20 | Quản trị tài chính | Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị tài chính doanh nghiệp như: Phân tích yếu tố lãi suất trong các quyết định tài chính; quản lý vốn cố định và vốn lưu động; định giá cổ phiếu và trái phiếu. | 4 | Kỳ 5 | Kiểm tra thường xuyên  Thi viết cuối kỳ |
|  | Quản trị văn phòng | Quản trị văn phòng giúp sinh viên giải quyết các vấn đề cơ bản trong phạm vi hoạt động của văn thư: như phương pháp lên kế hoạch, tổ chức sắp xếp, chuẩn bị cho tổ chức các hội nghị, cuộc họp trong phạm vi văn phòng. | 3 | Kỳ 6 | Kiểm tra thường xuyên  Thi viết cuối kỳ |
|  | Quản trị Marketing | Học phần cung cấp cho người học những nội dung về quản trị marketing như: Bản chất Marketing, phân tích đối thủ cạnh tranh, chiến lược khác biệt hóa và định vị, chiến lược phat triển sản phẩm mới và chiến lược marketing theo hu kỳ sống của sản phẩm, quản trị marketing hỗn hợp | 3 | Kỳ 6 | Kiểm tra thường xuyên  Thi viết cuối kỳ |
| 21 | Tiếng Anh Chuyên ngành | Trang bị cho sinh viên kiến thức và thực hành tiếng anh dùng trong môi trường kinh doanh thương mại, kinh tế, có khả năng đọc hiểu các tài liệu chuyên ngành kinh doanh. | 2 | Kỳ 6 | Kiểm tra thường xuyên  Thi viết cuối kỳ |
| 22 | Quản lý nhà nước về kinh tế | Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức và công cụ quản lý kinh tế của nhà nước như vai trò, chức năng và nội quản lý nhà nước đối với các doanh nghiệp,… | 3 | Kỳ 5 | Kiểm tra thường xuyên  Thi viết cuối kỳ |
| 23 | Tâm lý học quản trị kinh doanh | Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tâm lý học trong kinh doanh nhằm hiểu được tâm lý học kinh doanh, vấn đề con người trong kinh doanh, các đặc điểm xã hội – tâm lý của giới doanh nhân | 3 | Kỳ 5 | Kiểm tra thường xuyên  Thi viết cuối kỳ |
| 24 | Hệ thống thông tin quản lý | Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hệ thống thông tin trong tổ chức và giới thiệu một số hệ thống thông tin quản lý trong doanh nghiệp | 3 | Kỳ 5 | Kiểm tra thường xuyên  Thi viết cuối kỳ |
| 25 | Thực tập tổng hợp | Thực tập tổng hợp là giai đoạn đầu tiên sinh viên được tiếp cận với doanh nghiệp để bước đầu vận dụng các kiến thức được học trên ghế nhà trường, đồng thời tiếp tục bổ sung thêm các kiến thức, kỹ năng từ thực tế hoạt động của các doanh nghiệp/tổ chức theo hướng dẫn của các khoa chuyên ngành. | 4 | Kỳ 6 | Thi kết thúc học phần hình thức thi  Vần đáp |
| 27 | Quản trị rủi ro | Môn học này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị rủi ro , nhận dạng rủi ro; đo lường rủi ro. | 3 | Kỳ 7 | Kiểm tra thường xuyên  Thi viết cuối kỳ |
| 28 | Thị trường chứng khoán | Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thị trường chứng khoán và cách thức tiến hành giao dịch trên thị trường chứng khoán chính thức. | 3 | Kỳ 7 | Kiểm tra thường xuyên  Thi viết cuối kỳ |
| 29 | Quản trị thương hiệu | Học phần cung cấp cho người học những nội dung cơ bản về quản lý thương hiệu như quan điểm, chưc năng, vai trò, quy trình xây dựng thương hiệu; Tài sản thương hiệu; phương pháp định vị thương hiệu. | 3 | Kỳ 7 | Kiểm tra thường xuyên  Thi viết cuối kỳ |
| 30 | Phân tích hoạt động kinh doanh | Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức và phương pháp phân tích hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp bao gồm tình hình sản xuất của doanh nghiệp, giá thành sản phẩm, tình hình sử dụng lao động và các vấn đề tài chính của doanh nghiệp. | 4 | Kỳ 7 | Kiểm tra thường xuyên  Thi viết cuối kỳ |
| 31 | Quản trị chiến lược | Học phần Quản trị chiến lược nghiên cứu những nguyên lý quản trị chiến lược và vận dụng vào thực tiễn doanh nghiệp . | 3 | Kỳ 7 | Kiểm tra thường xuyên  Thi viết cuối kỳ |
| 32 | Chuyên đề QTKD | Học phần này giúp sinh viên vận dụng những kiến thức đã học để xây dựng đề cương và viết một chuyên đề về lĩnh vực quản trị doanh nghiệp. | 3 | Kỳ 8 | Kiểm tra thường xuyên  Thi viết cuối kỳ |
| 33 | Quản trị doanh nghiệp | Trang bị cho sinh viên những kiến thức về môn học Quản trị doanh nghiệp với các môn học bổ trợ ngành khác như: Quản trị sản xuất, Quản trị nhân lực, Quản trị marketing. | 4 | Kỳ 8 | Kiểm tra thường xuyên  Thi viết cuối kỳ |
| 34 | Thực tập tốt nghiệp | Hệ thống hóa các kiến thức đã học đồng thời vận dụng vào thực tiễn | 6 | Kỳ 8 | Báo cáo |

**2. ĐH Quản trị kinh doanh K60**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên môn học** | **Mục đích môn học** | **Số tín chỉ** | **Lịch trình giảng dạy** | **Phương pháp đánh giá sinh viên** |
| 1 | Pháp luật đại cương | Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật nói chung; nhà nước và pháp luật Việt Nam nói riêng, về quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, thực hiện pháp luật cũng như vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý. | 3 | Kỳ 1 | Kiểm tra thường xuyên  thi viết cuối kỳ |
| 2 | Kinh tế học đại cương | Học phần giới thiệu các khái niệm, nguyên lý và vấn đề cơ bản nhất của kinh tế học; các học thuyết kinh tế; các ý tưởng lớn làm nền tảng cho việc nghiên cứu kinh tế học và cách tiếp cận vấn đề của các nhà kinh tế | 3 | Kỳ 1 | Kiểm tra thường xuyên  Thi viết cuối kỳ |
| 3 | Kinh tế vi mô | Học phần cung cấp những kiến thức kinh tế cơ sở về hành vi của các cá nhân, doanh nghiệp và chính phủ trong một nền kinh tế thị trường. | 3 | Kỳ 1 | Kiểm tra thường xuyên  Thi viết cuối kỳ |
| 4 | Kinh tế vĩ mô | Học phần này cung cấp những kiến thức tổng quát về kinh tế vĩ mô và các nguyên lí cơ bản về họat động của toàn bộ nền kinh tế. Phân tích và giải thích các chỉ tiêu của nền kinh tế như: tổng sản phẩm quốc gia, tỉ lệ thất nghiệp, tỉ lệ lạm phát ... | 3 | Kỳ 2 | Kiểm tra thường xuyên  Thi viết cuối kỳ |
| 5 | Kinh tế phát triển | Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những vấn đề lý luận chung về tăng trưởng và phát triển kinh tế của các nước đang phát triển; đặc điểm, nội dung biểu hiện sự tiến bộ của các mô hình tăng trưởng và phát triển kinh tế. | 3 | Kỳ 2 | Kiểm tra thường xuyên  Thi viết cuối kỳ |
| 6 | Quản trị học | Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị học giúp sinh viên tiếp cân với lịch sử phát triển của các tư tưởng quản trị. | 3 | Kỳ 2 | Kiểm tra thường xuyên  Thi viết cuối kỳ |
| 7 | Nguyên lý kế toán | Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về kế toán như đối tượng, nguyên tắc kế toán, các phương pháp kế toán và các nội dung liên quan đến Kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu trong doanh nghiệp. | 3 | Kỳ 2 | Kiểm tra thường xuyên  Thi viết cuối kỳ |
| 8 | Tin học ứng dụng | Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp nhập số liệu, xử lý, mô tả số liệu và tính toán các số liệu trên máy tính nhằm phân tích vấn đề để đề xuất kế hoạch, chiến lược, quyết định kinh doanh cho doanh nghiệp. | 3 | Kỳ 3 | Kiểm tra thường xuyên  Thi thực hành |
| 9 | Thuế | Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về bản chất, nội dung của từng luật thuế và bổ trợ kiến thức cho việc nghiên cứu kinh tế ngành.. | 2 | Kỳ 4 | Kiểm tra thường xuyên  Thi viết cuối kỳ |
| 10 | Quản trị sản xuất | Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị sản xuất trong doanh nghiệp. Học phần này giúp cho sinh viên hoạch định, tổ chức, thực hiện và kiểm soát trong sản xuất. | 4 | Kỳ 4 | Kiểm tra thường xuyên  Thi viết cuối kỳ |
| 11 | Thương mại điện tử | Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về máy tính, internet, mạng viễn thông, và kiến thức chung về kinh doanh theo thương mại điện tử. Ứng dụng thương mại điện tử để chia sẽ thông tin một cách hiệu quả, Tiếp cận được với thành tựu mới của khu vực và thế giới trong lĩnh vực thương mại điện tử | 3 | Kỳ 4 | Kiểm tra thường xuyên  Thi thực hành |
| 12 | Kinh tế lượng | Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản trong việc quản trị doanh nghiệp như: Quản trị nhân lực, quản trị marketing, quản trị sản xuất, hàng tồn kho. | 3 | Kỳ 4 | Kiểm tra thường xuyên  Thi viết cuối kỳ |
| 13 | Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư | Học phần nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức về các kỹ thuật thiết lập, thẩm định và đánh giá một dự án đầu tư | 3 | Kỳ 4 | Kiểm tra thường xuyên  Thi viết cuối kỳ |
| 14 | Kinh tế quốc tế | Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Khái niệm, đối tượng và phương pháp nghiên cứu của kinh tế quốc tế; chính sách chuyển dịch nguồn lực kinh tế quốc tế. | 3 | Kỳ 3 | Kiểm tra thường xuyên  Thi viết cuối kỳ |
| 15 | Tài chính – Tín dụng | Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về mối quan hệ kinh tế giữa các thực thể tài chính phát sinh trong quá trình hình thành, phân phối và sử dụng các nguồn lực tài chính. | 3 | Kỳ 3 | Kiểm tra thường xuyên  Thi viết cuối kỳ |
| 16 | Thống kê kinh doanh | Học phần trang bị những kiến thức cơ bản về nguyên lý thống kê, các phương pháp thống kê nghiệp vụ kinh doanh và những kỹ năng vận dụng vào thực tiễn ở các doanh nghiệp | 3 | Kỳ 3 | Kiểm tra thường xuyên  Thi viết cuối kỳ |
| 17 | Luật kinh doanh | Học phần trang bị cho sinh viên các lý luận cơ bản về luật kinh doanh, pháp luật chủ thể kinh doanh, pháp luật về hợp đồng trong thương mại và giải quyết tranh chấp trong kinh doanh | 3 | Kỳ 3 | Kiểm tra thường xuyên  Thi viết cuối kỳ |
| 18 | Quản trị nhân lực | Học phần giúp người học hiểu biết những vấn đề chung trong quản trị nhân lực như vai trò, nguyên tắc, chức năng và chiến lược quản trị nhân lực; đồng thời hiểu rõ những nội dung cụ thể trong công tác quản trị nguồn nhân lực | 4 | Kỳ 6 | Kiểm tra thường xuyên  Thi viết cuối kỳ |
| 19 | Quản trị chất lượng | Học phần cung cấp cho người học những nội dung cơ bản về quản lý chất lượng như các lý thuyết quản lý chất lượng; Vai trò của quản lý chất lượng trong các tổ chức | 3 | Kỳ 5 | Kiểm tra thường xuyên  Thi viết cuối kỳ |
|  | Quản trị bán hàng | Cung cấp các kiến thức về môi trường kinh doanh trong nền kinh tế thị trường; mối liên hệ giữa chiến lược kinh doanh, chiến lược marketing với quản trị bán hàng. | 3 | Kỳ 5 | Kiểm tra thường xuyên  Thi viết cuối kỳ |
| 20 | Quản trị tài chính | Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị tài chính doanh nghiệp như: Phân tích yếu tố lãi suất trong các quyết định tài chính; quản lý vốn cố định và vốn lưu động; định giá cổ phiếu và trái phiếu. | 4 | Kỳ 5 | Kiểm tra thường xuyên  Thi viết cuối kỳ |
|  | Quản trị văn phòng | Quản trị văn phòng giúp sinh viên giải quyết các vấn đề cơ bản trong phạm vi hoạt động của văn thư: như phương pháp lên kế hoạch, tổ chức sắp xếp, chuẩn bị cho tổ chức các hội nghị, cuộc họp trong phạm vi văn phòng. | 3 | Kỳ 6 | Kiểm tra thường xuyên  Thi viết cuối kỳ |
|  | Quản trị Marketing | Học phần cung cấp cho người học những nội dung về quản trị marketing như: Bản chất Marketing, phân tích đối thủ cạnh tranh, chiến lược khác biệt hóa và định vị, chiến lược phat triển sản phẩm mới và chiến lược marketing theo hu kỳ sống của sản phẩm, quản trị marketing hỗn hợp | 3 | Kỳ 6 | Kiểm tra thường xuyên  Thi viết cuối kỳ |
| 21 | Tiếng Anh Chuyên ngành | Trang bị cho sinh viên kiến thức và thực hành tiếng anh dùng trong môi trường kinh doanh thương mại, kinh tế, có khả năng đọc hiểu các tài liệu chuyên ngành kinh doanh. | 2 | Kỳ 6 | Kiểm tra thường xuyên  Thi viết cuối kỳ |
| 22 | Quản lý nhà nước về kinh tế | Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức và công cụ quản lý kinh tế của nhà nước như vai trò, chức năng và nội quản lý nhà nước đối với các doanh nghiệp,… | 3 | Kỳ 5 | Kiểm tra thường xuyên  Thi viết cuối kỳ |
| 23 | Tâm lý học quản trị kinh doanh | Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tâm lý học trong kinh doanh nhằm hiểu được tâm lý học kinh doanh, vấn đề con người trong kinh doanh, các đặc điểm xã hội – tâm lý của giới doanh nhân | 3 | Kỳ 5 | Kiểm tra thường xuyên  Thi viết cuối kỳ |
| 24 | Hệ thống thông tin quản lý | Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hệ thống thông tin trong tổ chức và giới thiệu một số hệ thống thông tin quản lý trong doanh nghiệp | 3 | Kỳ 5 | Kiểm tra thường xuyên  Thi viết cuối kỳ |
| 25 | Thực tập tổng hợp | Thực tập tổng hợp là giai đoạn đầu tiên sinh viên được tiếp cận với doanh nghiệp để bước đầu vận dụng các kiến thức được học trên ghế nhà trường, đồng thời tiếp tục bổ sung thêm các kiến thức, kỹ năng từ thực tế hoạt động của các doanh nghiệp/tổ chức theo hướng dẫn của các khoa chuyên ngành. | 4 | Kỳ 6 | Thi kết thúc học phần hình thức thi  Vần đáp |
| 27 | Quản trị rủi ro | Môn học này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị rủi ro , nhận dạng rủi ro; đo lường rủi ro. | 3 | Kỳ 7 | Kiểm tra thường xuyên  Thi viết cuối kỳ |
| 28 | Thị trường chứng khoán | Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thị trường chứng khoán và cách thức tiến hành giao dịch trên thị trường chứng khoán chính thức. | 3 | Kỳ 7 | Kiểm tra thường xuyên  Thi viết cuối kỳ |
| 29 | Quản trị thương hiệu | Học phần cung cấp cho người học những nội dung cơ bản về quản lý thương hiệu như quan điểm, chưc năng, vai trò, quy trình xây dựng thương hiệu; Tài sản thương hiệu; phương pháp định vị thương hiệu. | 3 | Kỳ 7 | Kiểm tra thường xuyên  Thi viết cuối kỳ |
| 30 | Phân tích hoạt động kinh doanh | Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức và phương pháp phân tích hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp bao gồm tình hình sản xuất của doanh nghiệp, giá thành sản phẩm, tình hình sử dụng lao động và các vấn đề tài chính của doanh nghiệp. | 4 | Kỳ 7 | Kiểm tra thường xuyên  Thi viết cuối kỳ |
| 31 | Quản trị chiến lược | Học phần Quản trị chiến lược nghiên cứu những nguyên lý quản trị chiến lược và vận dụng vào thực tiễn doanh nghiệp . | 3 | Kỳ 7 | Kiểm tra thường xuyên  Thi viết cuối kỳ |
| 32 | Chuyên đề QTKD | Học phần này giúp sinh viên vận dụng những kiến thức đã học để xây dựng đề cương và viết một chuyên đề về lĩnh vực quản trị doanh nghiệp. | 3 | Kỳ 8 | Kiểm tra thường xuyên  Thi viết cuối kỳ |
| 33 | Quản trị doanh nghiệp | Trang bị cho sinh viên những kiến thức về môn học Quản trị doanh nghiệp với các môn học bổ trợ ngành khác như: Quản trị sản xuất, Quản trị nhân lực, Quản trị marketing. | 4 | Kỳ 8 | Kiểm tra thường xuyên  Thi viết cuối kỳ |
| 34 | Thực tập tốt nghiệp | Hệ thống hóa các kiến thức đã học đồng thời vận dụng vào thực tiễn | 6 | Kỳ 8 | Báo cáo |

**3. Đại học Quản trị kinh doanh K61**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên môn học** | **Mục đích môn học** | **Số tín chỉ** | **Lịch trình giảng dạy** | **Phương pháp đánh giá sinh viên** |
| 1 | Pháp luật đại cương | Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật nói chung; nhà nước và pháp luật Việt Nam nói riêng, về quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, thực hiện pháp luật cũng như vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý. | 3 | Kỳ 1 | Kiểm tra thường xuyên  thi viết cuối kỳ |
| 2 | Kinh tế học đại cương | Học phần giới thiệu các khái niệm, nguyên lý và vấn đề cơ bản nhất của kinh tế học; các học thuyết kinh tế; các ý tưởng lớn làm nền tảng cho việc nghiên cứu kinh tế học và cách tiếp cận vấn đề của các nhà kinh tế | 3 | Kỳ 1 | Kiểm tra thường xuyên  Thi viết cuối kỳ |
| 3 | Kinh tế vi mô | Học phần cung cấp những kiến thức kinh tế cơ sở về hành vi của các cá nhân, doanh nghiệp và chính phủ trong một nền kinh tế thị trường. | 3 | Kỳ 1 | Kiểm tra thường xuyên  Thi viết cuối kỳ |
| 4 | Kinh tế vĩ mô | Học phần này cung cấp những kiến thức tổng quát về kinh tế vĩ mô và các nguyên lí cơ bản về họat động của toàn bộ nền kinh tế. Phân tích và giải thích các chỉ tiêu của nền kinh tế như: tổng sản phẩm quốc gia, tỉ lệ thất nghiệp, tỉ lệ lạm phát ... | 3 | Kỳ 2 | Kiểm tra thường xuyên  Thi viết cuối kỳ |
| 5 | Kinh tế phát triển | Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những vấn đề lý luận chung về tăng trưởng và phát triển kinh tế của các nước đang phát triển; đặc điểm, nội dung biểu hiện sự tiến bộ của các mô hình tăng trưởng và phát triển kinh tế. | 3 | Kỳ 2 | Kiểm tra thường xuyên  Thi viết cuối kỳ |
| 6 | Quản trị học | Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị học giúp sinh viên tiếp cân với lịch sử phát triển của các tư tưởng quản trị. | 3 | Kỳ 2 | Kiểm tra thường xuyên  Thi viết cuối kỳ |
| 7 | Nguyên lý kế toán | Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về kế toán như đối tượng, nguyên tắc kế toán, các phương pháp kế toán và các nội dung liên quan đến Kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu trong doanh nghiệp. | 3 | Kỳ 2 | Kiểm tra thường xuyên  Thi viết cuối kỳ |
| 8 | Tin học ứng dụng | Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp nhập số liệu, xử lý, mô tả số liệu và tính toán các số liệu trên máy tính nhằm phân tích vấn đề để đề xuất kế hoạch, chiến lược, quyết định kinh doanh cho doanh nghiệp. | 3 | Kỳ 3 | Kiểm tra thường xuyên  Thi thực hành |
| 9 | Thuế | Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về bản chất, nội dung của từng luật thuế và bổ trợ kiến thức cho việc nghiên cứu kinh tế ngành.. | 2 | Kỳ 4 | Kiểm tra thường xuyên  Thi viết cuối kỳ |
| 10 | Quản trị sản xuất | Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị sản xuất trong doanh nghiệp. Học phần này giúp cho sinh viên hoạch định, tổ chức, thực hiện và kiểm soát trong sản xuất. | 3 | Kỳ 4 | Kiểm tra thường xuyên  Thi viết cuối kỳ |
| 11 | Thương mại điện tử | Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về máy tính, internet, mạng viễn thông, và kiến thức chung về kinh doanh theo thương mại điện tử. Ứng dụng thương mại điện tử để chia sẽ thông tin một cách hiệu quả, Tiếp cận được với thành tựu mới của khu vực và thế giới trong lĩnh vực thương mại điện tử | 3 | Kỳ 4 | Kiểm tra thường xuyên  Thi thực hành |
| 12 | Kinh tế lượng | Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản trong việc quản trị doanh nghiệp như: Quản trị nhân lực, quản trị marketing, quản trị sản xuất, hàng tồn kho. | 3 | Kỳ 4 | Kiểm tra thường xuyên  Thi viết cuối kỳ |
| 13 | Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư | Học phần nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức về các kỹ thuật thiết lập, thẩm định và đánh giá một dự án đầu tư | 3 | Kỳ 4 | Kiểm tra thường xuyên  Thi viết cuối kỳ |
| 14 | Kinh tế quốc tế | Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Khái niệm, đối tượng và phương pháp nghiên cứu của kinh tế quốc tế; chính sách chuyển dịch nguồn lực kinh tế quốc tế. | 3 | Kỳ 3 | Kiểm tra thường xuyên  Thi viết cuối kỳ |
| 15 | Tài chính – Tín dụng | Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về mối quan hệ kinh tế giữa các thực thể tài chính phát sinh trong quá trình hình thành, phân phối và sử dụng các nguồn lực tài chính. | 3 | Kỳ 3 | Kiểm tra thường xuyên  Thi viết cuối kỳ |
| 16 | Thống kê kinh doanh | Học phần trang bị những kiến thức cơ bản về nguyên lý thống kê, các phương pháp thống kê nghiệp vụ kinh doanh và những kỹ năng vận dụng vào thực tiễn ở các doanh nghiệp | 3 | Kỳ 3 | Kiểm tra thường xuyên  Thi viết cuối kỳ |
| 17 | Luật kinh doanh | Học phần trang bị cho sinh viên các lý luận cơ bản về luật kinh doanh, pháp luật chủ thể kinh doanh, pháp luật về hợp đồng trong thương mại và giải quyết tranh chấp trong kinh doanh | 3 | Kỳ 3 | Kiểm tra thường xuyên  Thi viết cuối kỳ |
| 18 | Quản trị nhân lực | Học phần giúp người học hiểu biết những vấn đề chung trong quản trị nhân lực như vai trò, nguyên tắc, chức năng và chiến lược quản trị nhân lực; đồng thời hiểu rõ những nội dung cụ thể trong công tác quản trị nguồn nhân lực | 3 | Kỳ 6 | Kiểm tra thường xuyên  Thi viết cuối kỳ |
| 19 | Quản trị chất lượng | Học phần cung cấp cho người học những nội dung cơ bản về quản lý chất lượng như các lý thuyết quản lý chất lượng; Vai trò của quản lý chất lượng trong các tổ chức | 3 | Kỳ 5 | Kiểm tra thường xuyên  Thi viết cuối kỳ |
|  | Quản trị bán hàng | Cung cấp các kiến thức về môi trường kinh doanh trong nền kinh tế thị trường; mối liên hệ giữa chiến lược kinh doanh, chiến lược marketing với quản trị bán hàng. | 3 | Kỳ 5 | Kiểm tra thường xuyên  Thi viết cuối kỳ |
| 20 | Quản trị tài chính | Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị tài chính doanh nghiệp như: Phân tích yếu tố lãi suất trong các quyết định tài chính; quản lý vốn cố định và vốn lưu động; định giá cổ phiếu và trái phiếu. | 3 | Kỳ 5 | Kiểm tra thường xuyên  Thi viết cuối kỳ |
|  | Quản trị văn phòng | Quản trị văn phòng giúp sinh viên giải quyết các vấn đề cơ bản trong phạm vi hoạt động của văn thư: như phương pháp lên kế hoạch, tổ chức sắp xếp, chuẩn bị cho tổ chức các hội nghị, cuộc họp trong phạm vi văn phòng. | 3 | Kỳ 6 | Kiểm tra thường xuyên  Thi viết cuối kỳ |
|  | Quản trị Marketing | Học phần cung cấp cho người học những nội dung về quản trị marketing như: Bản chất Marketing, phân tích đối thủ cạnh tranh, chiến lược khác biệt hóa và định vị, chiến lược phat triển sản phẩm mới và chiến lược marketing theo hu kỳ sống của sản phẩm, quản trị marketing hỗn hợp | 3 | Kỳ 6 | Kiểm tra thường xuyên  Thi viết cuối kỳ |
| 21 | Tiếng Anh Chuyên ngành | Trang bị cho sinh viên kiến thức và thực hành tiếng anh dùng trong môi trường kinh doanh thương mại, kinh tế, có khả năng đọc hiểu các tài liệu chuyên ngành kinh doanh. | 2 | Kỳ 6 | Kiểm tra thường xuyên  Thi viết cuối kỳ |
| 22 | Quản lý nhà nước về kinh tế | Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức và công cụ quản lý kinh tế của nhà nước như vai trò, chức năng và nội quản lý nhà nước đối với các doanh nghiệp,… | 3 | Kỳ 5 | Kiểm tra thường xuyên  Thi viết cuối kỳ |
| 23 | Tâm lý học quản trị kinh doanh | Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tâm lý học trong kinh doanh nhằm hiểu được tâm lý học kinh doanh, vấn đề con người trong kinh doanh, các đặc điểm xã hội – tâm lý của giới doanh nhân | 3 | Kỳ 5 | Kiểm tra thường xuyên  Thi viết cuối kỳ |
| 24 | Hệ thống thông tin quản lý | Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hệ thống thông tin trong tổ chức và giới thiệu một số hệ thống thông tin quản lý trong doanh nghiệp | 3 | Kỳ 5 | Kiểm tra thường xuyên  Thi viết cuối kỳ |
| 25 | Thực tập tổng hợp | Thực tập tổng hợp là giai đoạn đầu tiên sinh viên được tiếp cận với doanh nghiệp để bước đầu vận dụng các kiến thức được học trên ghế nhà trường, đồng thời tiếp tục bổ sung thêm các kiến thức, kỹ năng từ thực tế hoạt động của các doanh nghiệp/tổ chức theo hướng dẫn của các khoa chuyên ngành. | 4 | Kỳ 6 | Thi kết thúc học phần hình thức thi  Vần đáp |
| 27 | Quản trị rủi ro | Môn học này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị rủi ro , nhận dạng rủi ro; đo lường rủi ro. | 3 | Kỳ 7 | Kiểm tra thường xuyên  Thi viết cuối kỳ |
| 28 | Thị trường chứng khoán | Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thị trường chứng khoán và cách thức tiến hành giao dịch trên thị trường chứng khoán chính thức. | 3 | Kỳ 7 | Kiểm tra thường xuyên  Thi viết cuối kỳ |
| 29 | Quản trị thương hiệu | Học phần cung cấp cho người học những nội dung cơ bản về quản lý thương hiệu như quan điểm, chưc năng, vai trò, quy trình xây dựng thương hiệu; Tài sản thương hiệu; phương pháp định vị thương hiệu. | 3 | Kỳ 7 | Kiểm tra thường xuyên  Thi viết cuối kỳ |
| 30 | Phân tích hoạt động kinh doanh | Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức và phương pháp phân tích hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp bao gồm tình hình sản xuất của doanh nghiệp, giá thành sản phẩm, tình hình sử dụng lao động và các vấn đề tài chính của doanh nghiệp. | 3 | Kỳ 7 | Kiểm tra thường xuyên  Thi viết cuối kỳ |
| 31 | Quản trị chiến lược | Học phần Quản trị chiến lược nghiên cứu những nguyên lý quản trị chiến lược và vận dụng vào thực tiễn doanh nghiệp . | 3 | Kỳ 7 | Kiểm tra thường xuyên  Thi viết cuối kỳ |
| 32 | Chuyên đề QTKD | Học phần này giúp sinh viên vận dụng những kiến thức đã học để xây dựng đề cương và viết một chuyên đề về lĩnh vực quản trị doanh nghiệp. | 3 | Kỳ 8 | Kiểm tra thường xuyên  Thi viết cuối kỳ |
| 33 | Quản trị doanh nghiệp | Trang bị cho sinh viên những kiến thức về môn học Quản trị doanh nghiệp với các môn học bổ trợ ngành khác như: Quản trị sản xuất, Quản trị nhân lực, Quản trị marketing. | 4 | Kỳ 8 | Kiểm tra thường xuyên  Thi viết cuối kỳ |
| 34 | Thực tập tốt nghiệp | Hệ thống hóa các kiến thức đã học đồng thời vận dụng vào thực tiễn |  | Kỳ 8 | Báo cáo |

**4. Đại học Quản trị kinh doanh K62 ( dự kiến triển khai)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên môn học** | **Mục đích môn học** | **Số tín chỉ** | **Lịch trình giảng dạy** | **Phương pháp đánh giá sinh viên** |
| 1 | Pháp luật đại cương | Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật nói chung; nhà nước và pháp luật Việt Nam nói riêng, về quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, thực hiện pháp luật cũng như vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý. | 3 | Kỳ 1 | Kiểm tra thường xuyên  thi viết cuối kỳ |
| 2 | Kinh tế học đại cương | Học phần giới thiệu các khái niệm, nguyên lý và vấn đề cơ bản nhất của kinh tế học; các học thuyết kinh tế; các ý tưởng lớn làm nền tảng cho việc nghiên cứu kinh tế học và cách tiếp cận vấn đề của các nhà kinh tế | 3 | Kỳ 1 | Kiểm tra thường xuyên  Thi viết cuối kỳ |
| 3 | Kinh tế vi mô | Học phần cung cấp những kiến thức kinh tế cơ sở về hành vi của các cá nhân, doanh nghiệp và chính phủ trong một nền kinh tế thị trường. | 3 | Kỳ 1 | Kiểm tra thường xuyên  Thi viết cuối kỳ |
| 4 | Kinh tế vĩ mô | Học phần này cung cấp những kiến thức tổng quát về kinh tế vĩ mô và các nguyên lí cơ bản về họat động của toàn bộ nền kinh tế. Phân tích và giải thích các chỉ tiêu của nền kinh tế như: tổng sản phẩm quốc gia, tỉ lệ thất nghiệp, tỉ lệ lạm phát ... | 3 | Kỳ 2 | Kiểm tra thường xuyên  Thi viết cuối kỳ |
| 5 | Kinh tế phát triển | Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những vấn đề lý luận chung về tăng trưởng và phát triển kinh tế của các nước đang phát triển; đặc điểm, nội dung biểu hiện sự tiến bộ của các mô hình tăng trưởng và phát triển kinh tế. | 3 | Kỳ 2 | Kiểm tra thường xuyên  Thi viết cuối kỳ |
| 6 | Quản trị học | Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị học giúp sinh viên tiếp cân với lịch sử phát triển của các tư tưởng quản trị. | 3 | Kỳ 2 | Kiểm tra thường xuyên  Thi viết cuối kỳ |
| 7 | Nguyên lý kế toán | Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về kế toán như đối tượng, nguyên tắc kế toán, các phương pháp kế toán và các nội dung liên quan đến Kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu trong doanh nghiệp. | 3 | Kỳ 2 | Kiểm tra thường xuyên  Thi viết cuối kỳ |
| 8 | Tin học ứng dụng | Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp nhập số liệu, xử lý, mô tả số liệu và tính toán các số liệu trên máy tính nhằm phân tích vấn đề để đề xuất kế hoạch, chiến lược, quyết định kinh doanh cho doanh nghiệp. | 3 | Kỳ 3 | Kiểm tra thường xuyên  Thi thực hành |
| 9 | Thuế | Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về bản chất, nội dung của từng luật thuế và bổ trợ kiến thức cho việc nghiên cứu kinh tế ngành.. | 2 | Kỳ 4 | Kiểm tra thường xuyên  Thi viết cuối kỳ |
| 10 | Quản trị sản xuất | Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị sản xuất trong doanh nghiệp. Học phần này giúp cho sinh viên hoạch định, tổ chức, thực hiện và kiểm soát trong sản xuất. | 3 | Kỳ 4 | Kiểm tra thường xuyên  Thi viết cuối kỳ |
| 11 | Thương mại điện tử | Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về máy tính, internet, mạng viễn thông, và kiến thức chung về kinh doanh theo thương mại điện tử. Ứng dụng thương mại điện tử để chia sẽ thông tin một cách hiệu quả, Tiếp cận được với thành tựu mới của khu vực và thế giới trong lĩnh vực thương mại điện tử | 3 | Kỳ 4 | Kiểm tra thường xuyên  Thi thực hành |
| 12 | Kinh tế lượng | Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản trong việc quản trị doanh nghiệp như: Quản trị nhân lực, quản trị marketing, quản trị sản xuất, hàng tồn kho. | 3 | Kỳ 4 | Kiểm tra thường xuyên  Thi viết cuối kỳ |
| 13 | Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư | Học phần nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức về các kỹ thuật thiết lập, thẩm định và đánh giá một dự án đầu tư | 3 | Kỳ 4 | Kiểm tra thường xuyên  Thi viết cuối kỳ |
| 14 | Kinh tế quốc tế | Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Khái niệm, đối tượng và phương pháp nghiên cứu của kinh tế quốc tế; chính sách chuyển dịch nguồn lực kinh tế quốc tế. | 3 | Kỳ 3 | Kiểm tra thường xuyên  Thi viết cuối kỳ |
| 15 | Tài chính – Tín dụng | Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về mối quan hệ kinh tế giữa các thực thể tài chính phát sinh trong quá trình hình thành, phân phối và sử dụng các nguồn lực tài chính. | 3 | Kỳ 3 | Kiểm tra thường xuyên  Thi viết cuối kỳ |
| 16 | Thống kê kinh doanh | Học phần trang bị những kiến thức cơ bản về nguyên lý thống kê, các phương pháp thống kê nghiệp vụ kinh doanh và những kỹ năng vận dụng vào thực tiễn ở các doanh nghiệp | 3 | Kỳ 3 | Kiểm tra thường xuyên  Thi viết cuối kỳ |
| 17 | Luật kinh doanh | Học phần trang bị cho sinh viên các lý luận cơ bản về luật kinh doanh, pháp luật chủ thể kinh doanh, pháp luật về hợp đồng trong thương mại và giải quyết tranh chấp trong kinh doanh | 3 | Kỳ 3 | Kiểm tra thường xuyên  Thi viết cuối kỳ |
| 18 | Quản trị nhân lực | Học phần giúp người học hiểu biết những vấn đề chung trong quản trị nhân lực như vai trò, nguyên tắc, chức năng và chiến lược quản trị nhân lực; đồng thời hiểu rõ những nội dung cụ thể trong công tác quản trị nguồn nhân lực | 3 | Kỳ 6 | Kiểm tra thường xuyên  Thi viết cuối kỳ |
| 19 | Quản trị chất lượng | Học phần cung cấp cho người học những nội dung cơ bản về quản lý chất lượng như các lý thuyết quản lý chất lượng; Vai trò của quản lý chất lượng trong các tổ chức | 3 | Kỳ 5 | Kiểm tra thường xuyên  Thi viết cuối kỳ |
|  | Quản trị bán hàng | Cung cấp các kiến thức về môi trường kinh doanh trong nền kinh tế thị trường; mối liên hệ giữa chiến lược kinh doanh, chiến lược marketing với quản trị bán hàng. | 3 | Kỳ 5 | Kiểm tra thường xuyên  Thi viết cuối kỳ |
| 20 | Quản trị tài chính | Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị tài chính doanh nghiệp như: Phân tích yếu tố lãi suất trong các quyết định tài chính; quản lý vốn cố định và vốn lưu động; định giá cổ phiếu và trái phiếu. | 3 | Kỳ 5 | Kiểm tra thường xuyên  Thi viết cuối kỳ |
|  | Quản trị văn phòng | Quản trị văn phòng giúp sinh viên giải quyết các vấn đề cơ bản trong phạm vi hoạt động của văn thư: như phương pháp lên kế hoạch, tổ chức sắp xếp, chuẩn bị cho tổ chức các hội nghị, cuộc họp trong phạm vi văn phòng. | 3 | Kỳ 6 | Kiểm tra thường xuyên  Thi viết cuối kỳ |
|  | Quản trị Marketing | Học phần cung cấp cho người học những nội dung về quản trị marketing như: Bản chất Marketing, phân tích đối thủ cạnh tranh, chiến lược khác biệt hóa và định vị, chiến lược phat triển sản phẩm mới và chiến lược marketing theo hu kỳ sống của sản phẩm, quản trị marketing hỗn hợp | 3 | Kỳ 6 | Kiểm tra thường xuyên  Thi viết cuối kỳ |
| 21 | Tiếng Anh Chuyên ngành | Trang bị cho sinh viên kiến thức và thực hành tiếng anh dùng trong môi trường kinh doanh thương mại, kinh tế, có khả năng đọc hiểu các tài liệu chuyên ngành kinh doanh. | 2 | Kỳ 6 | Kiểm tra thường xuyên  Thi viết cuối kỳ |
| 22 | Quản lý nhà nước về kinh tế | Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức và công cụ quản lý kinh tế của nhà nước như vai trò, chức năng và nội quản lý nhà nước đối với các doanh nghiệp,… | 3 | Kỳ 5 | Kiểm tra thường xuyên  Thi viết cuối kỳ |
| 23 | Tâm lý học quản trị kinh doanh | Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tâm lý học trong kinh doanh nhằm hiểu được tâm lý học kinh doanh, vấn đề con người trong kinh doanh, các đặc điểm xã hội – tâm lý của giới doanh nhân | 3 | Kỳ 5 | Kiểm tra thường xuyên  Thi viết cuối kỳ |
| 24 | Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo | Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo để có thể tự phát triển kinh doanh trong tương lai | 3 | Kỳ 5 | Kiểm tra thường xuyên  Thi viết cuối kỳ |
| 25 | Thực tập tổng hợp | Thực tập tổng hợp là giai đoạn đầu tiên sinh viên được tiếp cận với doanh nghiệp để bước đầu vận dụng các kiến thức được học trên ghế nhà trường, đồng thời tiếp tục bổ sung thêm các kiến thức, kỹ năng từ thực tế hoạt động của các doanh nghiệp/tổ chức theo hướng dẫn của các khoa chuyên ngành. | 3 | Kỳ 6 | Thi kết thúc học phần hình thức thi  Vần đáp |
| 27 | Quản trị rủi ro | Môn học này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị rủi ro , nhận dạng rủi ro; đo lường rủi ro. | 3 | Kỳ 7 | Kiểm tra thường xuyên  Thi viết cuối kỳ |
| 28 | Thị trường chứng khoán | Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thị trường chứng khoán và cách thức tiến hành giao dịch trên thị trường chứng khoán chính thức. | 3 | Kỳ 7 | Kiểm tra thường xuyên  Thi viết cuối kỳ |
| 29 | Quản trị thương hiệu | Học phần cung cấp cho người học những nội dung cơ bản về quản lý thương hiệu như quan điểm, chưc năng, vai trò, quy trình xây dựng thương hiệu; Tài sản thương hiệu; phương pháp định vị thương hiệu. | 3 | Kỳ 7 | Kiểm tra thường xuyên  Thi viết cuối kỳ |
| 30 | Phân tích hoạt động kinh doanh | Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức và phương pháp phân tích hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp bao gồm tình hình sản xuất của doanh nghiệp, giá thành sản phẩm, tình hình sử dụng lao động và các vấn đề tài chính của doanh nghiệp. | 3 | Kỳ 7 | Kiểm tra thường xuyên  Thi viết cuối kỳ |
| 31 | Quản trị chiến lược | Học phần Quản trị chiến lược nghiên cứu những nguyên lý quản trị chiến lược và vận dụng vào thực tiễn doanh nghiệp . | 3 | Kỳ 7 | Kiểm tra thường xuyên  Thi viết cuối kỳ |
| 32 | Chuyên đề QTKD | Học phần này giúp sinh viên vận dụng những kiến thức đã học để xây dựng đề cương và viết một chuyên đề về lĩnh vực quản trị doanh nghiệp. | 3 | Kỳ 8 | Kiểm tra thường xuyên  Thi viết cuối kỳ |
| 33 | Quản trị doanh nghiệp | Trang bị cho sinh viên những kiến thức về môn học Quản trị doanh nghiệp với các môn học bổ trợ ngành khác như: Quản trị sản xuất, Quản trị nhân lực, Quản trị marketing. | 4 | Kỳ 8 | Kiểm tra thường xuyên  Thi viết cuối kỳ |
| 34 | Thực tập tốt nghiệp | Hệ thống hóa các kiến thức đã học đồng thời vận dụng vào thực tiễn | 6 | Kỳ 8 | Báo cáo |

*Quảng Bình, ngày 30 tháng 10 năm 2020*

**NGƯỜI LẬP BIỂU TRƯỞNG KHOA**

**NGUYỄN VĂN CHUNG TS. TRẦN TỰ LỰC**